

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG I - PHARBACO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 45A./CV-HĐQT
V/v giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh năm 2023

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco xin giải trình số liệu chênh lệch Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 so với năm 2022; Chênh lệch Báo cáo tài chính Tổng hợp và Hợp nhất năm 2023 trước và sau kiểm toán như sau:

1. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính Riêng đã kiểm toán năm 2023 và năm 2022:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2023 sau kiểm toán	Năm 2022 sau kiểm toán	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Doanh thu thuần	1.340.032.756.386	1.057.010.293.731	283.022.462.655	26,8%
2	Giá vốn hàng bán	1.109.245.779.220	821.573.652.432	287.672.126.788	35,0%
3	Lợi nhuận gộp	230.786.977.166	235.436.641.299	(4.649.664.133)	-2,0%
4	Doanh thu hoạt động Tài chính	6.515.032.315	4.819.300.844	1.695.731.471	35,2%
5	Chi phí Tài chính	46.197.425.141	37.581.591.849	8.615.833.292	22,9%
6	Chi phí Bán hàng	6.001.422.926	6.097.006.420	(95.583.494)	-1,6%
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	133.970.263.042	117.023.939.877	16.946.323.165	14,5%
8	Lợi nhuận khác	(1.436.482.743)	(2.685.867.572)	1.249.384.829	46,5%
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.327.547.880	16.700.167.110	(6.372.619.230)	-38,2%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.368.867.749	60.167.369.315	(20.798.501.566)	-34,6%

2. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 và năm 2022:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023 sau kiểm toán	Năm 2022 sau kiểm toán	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Doanh thu thuần	1.340.032.756.386	1.057.010.293.731	283.022.462.655	26,8%
2	Giá vốn hàng bán	1.109.245.779.220	821.573.652.432	287.672.126.788	35,0%
3	Lợi nhuận gộp	230.786.977.166	235.436.641.299	(4.649.664.133)	-2,0%
4	Doanh thu hoạt động Tài chính	6.515.032.315	4.819.300.844	1.695.731.471	35,2%
5	Chi phí Tài chính	46.197.425.141	37.581.591.849	8.615.833.292	22,9%
6	Chi phí Bán hàng	6.001.422.926	6.097.006.420	(95.583.494)	-1,6%
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	133.970.263.042	117.023.939.877	16.946.323.165	14,5%
8	Lợi nhuận khác	(1.436.482.743)	(2.685.867.572)	1.249.384.829	46,5%
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.327.547.880	16.700.167.110	(6.372.619.230)	-38,2%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.368.867.749	60.167.369.315	(20.798.501.566)	-34,6%

3. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính Riêng trước và sau kiểm toán năm 2023:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023 sau kiểm toán	Năm 2023 trước kiểm toán	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Chi phí tài chính	46.197.425.141	49.380.021.251	(3.182.596.110)	-6,4%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	40.619.602.712	43.815.892.798	(3.196.290.086)	-7,3%
2	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	133.970.263.042	113.685.585.667	20.284.677.375	17,8%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.327.547.880	13.826.342.940	(3.498.795.060)	-25,3%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.368.867.749	53.249.668.954	(13.880.801.205)	-26,1%

4. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2023:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023 sau kiểm toán	Năm 2023 trước kiểm toán	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Chi phí tài chính	46.183.731.165	49.380.021.251	(3.196.290.086)	-6,5%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	40.619.602.712	43.815.892.798	(3.196.290.086)	-7,3%
2	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	133.988.532.542	113.703.855.167	20.284.677.375	17,8%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.327.547.880	13.826.342.940	(3.498.795.060)	-25,3%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.361.564.295	53.231.410.319	(13.869.846.024)	-26,1%

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính Tổng hợp và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 giảm so với năm 2022 nguyên nhân chủ yếu là:

- Do Doanh thu bán hàng tăng (26,8%) nhưng giá vốn tăng (35%) chủ yếu do trong kỳ Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lô hàng Kid test trị giá: 7.765.333.333 đồng làm cho lợi nhuận gộp giảm (2%)

- Do Chi phí tài chính tăng 22,9% chủ yếu là chi phí lãi vay tăng

- Do chi phí quản lý Doanh nghiệp tăng chủ yếu do Công ty trích lập chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền 20.192.119.946 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 giảm so với báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất chưa kiểm toán năm 2023 nguyên nhân chủ yếu là: Công ty trích lập chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền 20.192.119.946 đồng theo ý kiến của Kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.

Đại diện tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hà